

Số: 167/2021/QĐST-HNGĐ

*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 4 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Đức M, sinh năm 1993

ĐKHKT: Tổ 8, phường TL, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Huyền T, sinh năm 1999

ĐKHKT: Tổ 8, phường TL, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 56, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Đức M và chị Đỗ Thị Huyền T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức M và chị Đỗ Thị Huyền T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh M và chị T có 01 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 16/8/2018. Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh Trần Đức M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 16/8/2018 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Chị Đỗ Thị Huyền T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung – Công nợ chung: Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Anh Trần Đức M tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước; Hoàn trả anh M 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004652 ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường TL, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Quý M**